

Hán dịch: Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm.

Việt dịch: Việt Nam, Tỳ-kheo Thích Trí Tịnh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

TẬP 8.52.01

PHÁP HỘI BỬU NỮ
THỨ NĂM MƯƠI HAI

Bản in Chùa Viên Giác – đọc từ đầu trang 11-52

Bản in tại Việt Nam – đọc từ đầu trang 01-47

NGHI THỨC TRÌ TỤNG ĐẠI BẢO TÍCH

TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN

Án Lam (7 lần)

TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN

Tu rị tu rị, ma-ha tu rị, tu tu rị ta bà-ha. (3 lần)

TỊNH BA NGHIỆP CHƠN NGÔN

**Án ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ
thuật độ hám.** (3 lần)

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN

Án nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)

TÁN PHẬT

Pháp Vương Vô Thượng Tôn

Tam-giới vô luân thất

Thiên nhân chi Đạo sư

Tứ-sanh chi Từ-phụ

Ư nhứt niệm quy-y

Năng diệt tam-kỳ nghiệp

Xưng dương nhược tán thán

Ức kiếp mạc năng tận.

QUÁN TƯỚNG

Năng lễ, sở lễ tánh không-tịch,
Cảm ứng đạo-giao nan tư nghì,
Ngã thử đạo-tràng như Đế-châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

ĐÁNH LỄ TAM BẢO

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam mô Tận Hư-không Biến Pháp Giới, Quá, Hiện, Vị Lai Thập Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng Thường Trụ Tam Bảo. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam mô Ta-bà Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát. (1 lạy)

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ: Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế-giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ-tát, Thanh-tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. (1 lạy)

TÁN LƯ HƯƠNG

**Lư hương vừa ngún chiêm đàn
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa
Lòng con kính ngưỡng thiết tha
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lần)**

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ-tát. (3 lần)

CHÚ ĐẠI BI

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà ra ni. Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, Bồ-đề tát đỏa bà da, ma-ha tát đỏa bà da, ma-ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đát na tát đỏa. Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị da, bà lô yết đế thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì hê rị, ma-ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà già, ma phạt đạt đậu, đát điệt tha:

Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma-ha Bồ-đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông, độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma-ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra mạ mạ phạt ma ra, mục

đế lệ, y hê y hê, thất na thất na a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa
 phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra
 ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, Bồ-đề dạ Bồ-đề dạ, bồ đà dạ bồ đà
 dạ, di đế rị dạ, na ra cần trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na ta bà ha.
 Tất đà dạ ta bà ha. Ma-ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất
 bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha.
 Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma-ha, a tất đà dạ, ta bà
 ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà
 ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ,
 ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na, đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết
 đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

"Án tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà dạ ta bà-ha." (3 lần)

Nam mô Thập-phương Thường Trụ Tam Bảo. (3 lần)

VĂN PHÁT NGUYỆN

Lạy đấng Tam-giới Tôn
 Quy mạng mười phương Phật
 Nay con phát nguyện lớn
 Trì tụng Đại Bảo Tích
 Trên đền bốn ơn nặng
 Dưới cứu khổ tam-đồ
 Nếu có ai thấy nghe
 Đều phát Bồ-đề tâm,
 Khi mãn báo thân này
 Sinh qua cõi Cực-lạc.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (3 lần)

KHAI KINH KỆ

**Phật pháp rộng sâu rất nhiệm màu
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu
Nay con nghe thấy chuyên trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu.**

**Nam-mô Đại Bảo Tích Hội Thượng Phật,
Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lần)**

KINH ĐẠI BẢO TÍCH - TẬP 8

PHÁP HỘI BỮU NỮ

THỨ NĂM MƯỜI HAI

Bản in Chùa Viên Giác – đọc từ đầu trang 11

Bản in tại Việt Nam – đọc từ đầu trang 01

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vẫn ở giữa hai cõi Dục giới và Sắc giới trong Đại Bửu Phòng Đình, ngồi trên tòa thất bửu sư tử cùng đại chúng vây quanh thuyết pháp.

Trong pháp hội có một đồng nữ tên là Bửu Nữ từ chỗ ngồi đứng dậy, tay mặt cầm râu bạch chơn châu mà xưng lời rằng:

“Nếu tôi chơn thiệt có thể ở trong vô lượng thế giới thọ trì kinh điển Đại Tập này và đọc tụng biên chép rộng diễn nói lưu bố nghĩa

kinh ấy, thì nguyện cho xâu chơn châu này dính trên đảnh Phật và chư Bồ-tát”.

Xương lời xong, Bửu Nữ liền ném xâu chơn châu. Do Phật thần lực và lời thành thệ của đồng nữ ấy, xâu chơn châu liền ở tại đảnh đức Phật và cũng ở khắp trên đầu chư Bồ-tát.

Chư Bồ-tát đều riêng tự ở trong xâu chơn châu trên đầu mình thấy lúc vị lai Bửu Nữ thành Phật thế giới ấy và Bồ-đề thọ cùng các chúng sanh được điều phục, cả đến nguyện lực thưở trước của mình đều thấy rõ ràng.

Chư Bồ-tát thấy rồi đều có lòng cho là rất lạ kỳ đặc biệt mà bạch đức Phật:

“Bạch đức Thế Tôn! Bửu Nữ này sao lại có vô lượng đại công

đức như vậy, bao nhiêu thệ nguyện của tôi trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thuở trước, nay trong một niệm đều thấy rõ ràng cả”.

Đức Phật phán dạy:

“Lành thay lành thay, nầy thiện nam tử! Thiệt như lời các ông đã nói. Bửu Nữ này đã ở nơi chín vạn sáu ức na-do-tha chư Phật quá khứ gieo trồng căn lành phát nguyện lành lớn, sanh ra ở chỗ nào đều thường được chơn thiệt. Vì vậy mà đồng nữ này phạm khi tư niệm phát lời không hề hư luống.

Nếu đồng nữ ấy muốn đầy bửu hoa trong cõi Đại Thiên thế giới này mà phát lời ra thì liền có y như vậy. Nếu đồng nữ ấy nói muốn có diệu hương đầy khắp cõi Đại Thiên thế giới này thì liền có diệu hương đầy khắp.

Nếu đồng nữ Bửu Nữ ấy muốn thị hiện các loại hình sắc, những là hình sắc Chuyển Luân Vương, hình sắc Tứ Thiên Vương, hình sắc Thiên Đế Thích, hình sắc Phạm Thiên Vương, hoặc hình sắc Sa-môn, hình sắc Bà-la-môn, hình sắc Tỳ-kheo, hình sắc Tỳ-kheo-ni, hình sắc Ưu-bà-tắc, hình sắc Ưu-bà-di, thì liền được y như lời phát ra.

Hoặc lúc phong tai khởi lên chuyển làm hỏa tai, lúc hỏa tai khởi chuyển lên làm thủy tai, lúc thủy tai khởi lên chuyển làm phong tai, lời đồng nữ Bửu Nữ ấy phát ra thì liền chuyển y như vậy.

Nếu có Ma Vương đem các binh chúng cầm dao gậy cung tên mâu sóc qua thuấn, đồng nữ ấy muốn tất cả binh khí đều chuyển thành bửu hoa thì liền chuyển y như lời.

Nếu có xứ nào không có nước uống dùng, đồng nữ Bửu Nữ ấy vì các chúng sanh mà phát nguyện lớn, thì tất cả thành ấp tụ lạc xứ ấy liền có đủ nước uống dùng cho tất cả nhân dân y như lời được phát ra.

Nếu đồng nữ Bửu Nữ ấy muốn tất cả hình sắc trong cõi Đại Thiên thế giới này đều chuyển thành hình sắc Như Lai, thì y như lời phát ra đều thành diệu sắc Phật. Nếu Bửu Nữ ấy nói muốn toàn thể đại chúng đây đều an trụ giữa hư không thì đại chúng liền ở hư không.

Nếu Bửu Nữ ấy muốn nơi đây từ hư không nghe lời nói của mười phương chư Phật thì liền được nghe y như lời phát ra.

Này chư thiện nam tử! Đồng nữ Bửu Nữ ấy thành tựu vô lượng vô biên đại công đức như vậy”.

Đồng nữ Bửu Nữ liền ở trước Phật nói kệ khen:

Nay tôi thành tựu khối đại bửu

Nên hay ca ngợi đấng Vô Thượng

Xa lìa tất cả các phiền não

Đầy đủ đại bửu trợ Bồ-đề

Như Lai đầy đủ vô thượng bửu

Sáng lớn hay chiếu vô biên cõi

Vô thượng bửu tràng Phật Thế Tôn

Nay tôi dâng bửu để cúng dường

Xa cừ mã não thanh lưu ly

Kim cương chơn châu nhật nguyệt bửu

Dâng các bửu ấy cúng dường Phật

Vì khiến chúng sanh thành Bồ-đề

Ánh sáng thân Phật hơn các bửu
 Chúng sanh thích thấy không mỗi nhàm
 Ở tại một phương thấy mười phương
 Khiến chúng thấy Phật ở trước mình
 Hoặc thấy Như Lai đi hay đứng
 Hoặc thấy nằm ngồi hoặc thuyết pháp
 Hoặc thấy nín lặng không nói năng
 Hoặc thấy nhập định tu trí huệ
 Phật mỗi lỗ lông phóng ánh sáng
 Hay chiếu mười phương các thế giới
 Phật quang thanh tịnh tối vô thượng
 Như sen thanh tịnh và thu nguyệt.

Nói kệ tán thán xong, Bửu Nữ bạch rằng:

“Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi ở nơi kinh này muốn hỏi ít nghĩa xin đức Thế Tôn hứa cho”.

Đức Phật phán bảo:

“Lành thay, lành thay, này Bửu Nữ! Tùy ý người hỏi, nếu có lưới nghi Phật sẽ trừ diệt cho”.

Bửu Nữ bạch rằng:

“Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thiệt ngữ, thế nào là thiệt, thế nào là pháp ngữ, thế nào là pháp, thế nào là nghĩa ngữ, thế nào là nghĩa, thế nào là tỳ-ni ngữ, thế nào là tỳ-ni nghĩa?”

Đức Phật phán dạy:

“Lành thay, lành thay! Chí tâm lắng nghe, Phật sẽ vì người mà phân biệt giải nói.

Này Bửu Nữ! Đại Bồ-tát có ba thứ thiệt, đó là chẳng phỉnh dối Phật, chẳng phỉnh dối chính mình và chẳng phỉnh dối chúng sanh.

Thế nào là chẳng phỉnh dối chư Phật, chính mình và chúng sanh?

Này Bửu Nữ! Nếu có Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề rồi mà ham Thanh Văn và Bích Chi Phật thừa thì gọi là phỉnh dối chư Phật, chính mình và chúng sanh.

Này Bửu Nữ! Nếu Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề rồi, hoặc tại địa ngục chịu khổ não lớn, hoặc gặp kẻ ma nghiệp tà kiến ở chung, hoặc sanh xứ ác nhiều ác phiền não. Thân bị đao gươm đâm chém chặt đứt, trong những thời gian thọ khổ đau như vậy vẫn chẳng rời lìa tâm Bồ-đề. Chẳng thôi chẳng dứt, chẳng sợ chẳng ăn năn, khiến tâm Bồ-đề còn thêm lớn rộng hơn. Vì các chúng sanh mà chịu khổ

não lớn, thấy người bị khổ, tâm Bồ-đề càng thêm rộng lớn siêng năng tu tập tinh tiến. Muốn được Bồ-đề chẳng bị tà ngữ làm mê lầm, tất cả tà phong không làm lay động được tâm Bồ-đề. Đây gọi là Bồ-tát chẳng phỉn đối chư Phật, chính mình và chúng sanh vậy.

Này Bửu Nữ! Nếu Bồ-tát chẳng phỉn đối chư Phật, chính mình và chúng sanh thì gọi là thiệt trong chơn thiệt.

Này Bửu Nữ! Chẳng phỉn đối chư Phật còn có bốn sự, đó là tâm ấy vững chắc, an trụ chỗ chí xứ, đầy đủ thế lực và siêng tu tinh tiến.

Chẳng phỉn đối chính mình cũng có bốn sự, đó là tâm thanh tịnh, chí tâm, chẳng phỉn đối và chẳng vạy vò.

Chẳng phỉn đối chúng sanh cũng có bốn sự, đó là trang nghiêm, tu tâm từ, tu tâm bi và nhiếp thủ.

Này Bửu Nữ! Đây gọi là thiệt thứ nhất của Bồ-tát.

Thiệt của BỒ-tát là lúc ban sơ phát nguyện chẳng bỏ rời chúng sanh.

Thiệt của BỒ-tát lại còn là chẳng nhiều lời, lời nói giữ gìn, lời nói chẳng thô ác, lời nói thường chơn thiệt. Hoặ̣c lúc ở một mình hay ở trong đạ̣i chúng hay ở bên vua chúa, lời phát ra đều thành thiệt, chẳng vì tài vật mà cố ý nói dối, chẳng vì tự tại mà cố ý vọng ngữ. Dầu có thất bửu đầy cả cõi Đạ̣i Thiên thế giới còn không vì có này mà cố ý vọng ngữ huợ́ng là vì các việc nhỏ mà cố ý vọng ngữ.

Nầy Bửu Nữ! Thiệt ấy có ba mươi hai điều thanh tịnh, đó là

Lời hồ, lời then, lời công đức,

Lời dịu dàng, lời chẳng hư luộ́ng,

Lời không có chê trách, lời chẳng tham trước,

Lời chẳng e sợ, lời đóng kín các ác đạ̣o,

Lời mở rộng các thiện đạo,
 Lời thánh hành, lời huệ hành,
 Lời nội thanh tịnh, lời ngoại thanh tịnh,
 Lời thích lãnh thọ, lời thích lắng nghe,
 Lời chẳng nhám rít, lời vi diệu,
 Lời phân biệt, lời giọng hay,
 Lời thuần thiện, lời chẳng phỉnh gạt,
 Lời chẳng chấp, lời hoan hỷ,
 Lời tự khuyến dụ, lời khuyến dụ người khác,
 Lời chẳng lỗi, lời an ổn, lời phước điền,
 Lời như Phật, lời thiệt vây quanh và lời miệng thanh tịnh.

Này Bửu Nữ! Thiệt của Bồ-tát là phàm có nói năng thì khẩu với ý tương xứng. Sao gọi là khẩu với ý tương xứng?

Tu tập bố thí nên được Bồ-đề chẳng phải do xan tham mà có thể được, đây gọi là khẩu ý tương xứng, mà lời có thể ban cho tất cả, đây gọi là thiệt.

Tu tập tịnh giới nên được Bồ-đề chẳng phải do hủy giới mà có thể được, đây gọi là khẩu với ý tương xứng, mà lời nói đúng như tịnh giới nên gọi là thiệt.

Tu tập nhẫn nhục nên được Bồ-đề, chẳng phải do sân hận mà có thể được, đây gọi là ý với khẩu tương xứng, mà lời nói đầy đủ hạnh tu nhẫn nên gọi là thiệt.

Siêng tu tinh tiến thì được Bồ-đề, chẳng phải do lười biếng mà có thể được, đây gọi là khẩu ý tương xứng, mà lời nói tu tinh tiến nên gọi là thiệt.

Tu tập thiền định thì được Bồ-đề, chẳng phải tâm tán loạn mà có thể được, đây gọi là khẩu ý tương xứng, mà nói tu tập định tâm nên gọi là thiết.

Tu tập trí huệ chứng được Bồ-đề, chẳng phải do ngu si mà được, đây gọi là ý khẩu tương xứng, mà lời nói tu trí huệ nên gọi là thiết.

Như sáu độ, về ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề và bốn tâm vô lượng cũng như vậy.

Này Bửu Nữ! Luận về chơn thiết ấy, đó là thánh hành. Thánh hành ấy đó là khổ hành, vô thường hành, là biết khổ, lìa tập, chứng diệt và tu tập đạo đế.

Biết thân ngũ ấm không có xuất sanh, đây gọi là biết khổ đế. Nhơn của ngũ ấm đó là tham ái thì rất ráo xa lìa, chẳng tham chẳng

trước, chẳng khen chẳng cầu, chẳng khứ chẳng lai, đây gọi là lìa tập đế.

Dứt diệt tất cả tướng, nhưng lúc diệt không có một pháp bị diệt, pháp bất bình đẳng thì làm pháp bình đẳng, đây gọi là chứng diệt đế.

Quán xa-ma-tha, tỳ-bà-xá-na tướng ấy bình đẳng, không có giác không có quán không có bình đẳng không hệ phược không lấy được, không có làm không có biến đổi, đây gọi là tu đạo đế.

Chơn thiệt biết rõ bốn đế như vậy lại còn có thể phân biệt nói rộng nghĩa tứ đế ấy, đây gọi là thiệt của đại Bồ-tát”.

Lúc đức Phật nói pháp chơn thiệt ấy trong pháp hội có mười ngàn Bồ-tát được chơn thiệt nhận.

Đức Thế Tôn phán tiếp:

“Lại nữa, này Bửu Nữ! Về pháp ngữ ấy, đó là lúc diễn thuyết thì y theo chánh pháp để nói:

**quán nơi pháp, niệm nơi pháp, phụng hành nơi pháp,
hành pháp chí xứ, cầu pháp, muốn pháp, thích pháp, tu pháp,
tràng pháp, gây pháp, trang nghiêm pháp khí,
pháp đăng, pháp minh, pháp niệm, pháp ý,
pháp hữu, pháp sở, pháp trang nghiêm anh lạc,
pháp sàng, pháp nghi, pháp hộ, pháp tài,
pháp vô cùng tận, pháp quảng đại vô biên,
pháp sự, pháp thân, pháp khẩu, pháp ý.**

Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ những pháp như vậy, đây gọi là pháp ngữ.

Pháp ngữ ấy đó là chơn thiệt ngữ, giữ gìn pháp ngữ, dạy người cúng dường các bậc cha mẹ sư trưởng kỳ cựu có đức, tán thán Bồ-đề và trợ đạo Bồ-đề khiến người chẳng bỏ tâm Bồ-đề.

Chí tâm nhiếp niệm chẳng quên Bồ-đề, chẳng rời trang nghiêm tu tập pháp Bồ-đề, thường gần Hiền Thánh các bậc thiện tri thức. Tu tập tín tâm chuyên niệm nghe chánh pháp, mộ cầu chánh pháp siêng tu tinh tiến, chẳng tham trước pháp, biết ơn báo ơn, thích tịch tĩnh, chẳng để dứt Thánh chủng.

Giáo hóa hạnh đầu đà, siêng thực hành Thập thiện, tán thán công đức bố thí và tất cả pháp lành. Nguyên hướng đến Bồ-đề, chí tâm thọ trì giới luật thanh tịnh.

Tu tập nhẫn nhục, trừ bỏ giải đãi,

Tu tập thiền định và trí huệ,

Tu tập phương tiện cùng từ bi hỷ xả,
 Tu tập Tứ chơn để xu hướng chơn đế,
 Tu Tứ vô ngại trí được đại thần thông, tùy thuận pháp thí,
 Tu Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực,
 Thất Bồ-đề phần và Bát chánh đạo phần.

Tu hai pháp định và huệ được trí giải thoát, giải nói đúng như pháp về Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ-tát thừa. Tán thán tất cả những phước đức.

Thường quán Thập nhị nhơn duyên thậm thâm, rành rẽ Không giải thoát môn, Vô tướng giải thoát môn, Vô nguyện giải thoát môn, Vô sở úy.

Nói ngũ ấm như ảo như hóa, nói thập bát giới như tướng hư không, nói tánh các nhập đồng với tánh không.

Thường nói Thất thánh tài, lục niệm, lục kính, giải nói đầy đủ lục Ba-la-mật, nói lục thường hành, tu lục thần thông, đầy đủ ngũ nhãn, nói đệ nhứt nghĩa để lưu bố thế gian, thành tựu nghiệp ngũ ngôn, tất cả chúng sanh tâm họ bình đẳng, tán thán Phật ngữ.

Này Bửu Nữ! Nếu có Bồ-tát thành tựu đầy đủ pháp ngữ như vậy thì miệng trọn chẳng nói ngã ngữ, chúng sanh ngữ, thọ mạng ngữ, sĩ phu ngữ, đoạn ngữ, thường ngữ, hữu kiến ngữ, vô kiến ngữ, lưỡng biên ngữ, trung ngữ, tụ ngữ, diệt ngữ, tịnh ngữ, thiên ngữ, bất giác tri ngữ. Thường nói lời chẳng điên đảo, lời chẳng tăng lòng nghi, lời chẳng nghịch chánh pháp, lời quán pháp giới, lời phá kiêu mạn.

Bồ-tát thuyết pháp an trụ đúng pháp nói đúng chánh pháp, là thiệt ngữ, pháp ngữ, bất đoạn ngữ, bất chiết ngữ. Bồ-tát thuyết

pháp tất cả thế gian không ai có thể cùng tranh luận, người thấy đều e sợ. Bực pháp ngữ Bồ-tát có thể diễn thuyết không - vô tướng - vô nguyện, chẳng trụ trước tam giới và với các hữu chẳng còn thọ sanh theo nghiệp, bốn tánh thanh tịnh, an trụ tịch tĩnh, chẳng cầu xin nơi người. Đây gọi là pháp ngữ.

Này Bửu Nữ! Luận về pháp ấy, pháp thì chẳng thể được.

Không có văn tự ngôn thuyết cũng không có từ ngữ,

Không sắc không thấy cũng không có chỗ hướng đến,

Không lời dạy cũng không người được dạy,

Không có tâm ý thức, không có trần cấu, không sáng không tối.

Chẳng hệ thuộc mình cũng chẳng hệ thuộc người,

Không có cao hạ, chẳng xen tạp tất cả cảnh giới như duyên.

Thanh tịnh tịch tĩnh, không có dẫn đầu, khó biết khó hay.

Chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tư duy, người có trí huệ thanh tịnh mới có thể biết được pháp. Pháp ấy không có thọ, không có người thọ, dứt hẳn các thọ, siêu quá tam thế. Bất diệt, không có tướng diệt. Bất sanh, không có tướng sanh. Không có dư đầy thiếu kém, không có tăng giảm, vô sanh vô diệt, không có, sẽ có, đã có.

Chẳng phải tu, chẳng phải thấy,
 Chẳng phải ma thấy, chẳng phải chơn thiệt thấy,
 Chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng tướng,
 Chẳng phải nhứt tướng mà cũng nhứt tướng,
 Chẳng phải ốc trạch xa lìa ốc trạch,
 Chẳng phải gần xa rời lìa, chẳng phải phược giải,
 Chẳng phải hữu lậu vô lậu, cũng chẳng phải tương tợ,
 Chẳng phải khô lạc, chẳng phải đầy đủ chẳng đầy đủ,

Chẳng phải danh sắc, chẳng phải dính mắc chẳng phải thoát rời,
 Chẳng phải phá chẳng phải hoàn, dầu chẳng phải kim cương
 tương chẳng hư hoại, mà chơn thiệt như kim cương,

Chẳng phải cận viễn, không có sắc không có nhơn cũng chẳng
 phải ngoan hư,

Chẳng phải thử bỉ nội ngoại tự tha, chẳng phải kiến văn,

Chẳng phải nhớ quên, chẳng phải thức chẳng phải tri,

Chẳng phải cảnh giới của thức, chẳng phải cảnh giới của tri.

Đây gọi là pháp. Nếu hay nói rộng các pháp như vậy thì gọi là
 thuyết pháp.

Lại nữa, này Bửu Nữ! Pháp ngữ Bồ-tát chẳng cùng với thế gian
 tranh cạnh, chẳng khinh chẳng mạn. Đối với người chưa học,
 không có lòng khinh cười chẳng sanh tâm cao ngạo, chẳng tự khen

chê người, chẳng vì tài lợi ăn uống mà vì người thuyết pháp, chẳng trở ngại việc lành của người làm cho họ sanh lòng nghi hoặc, thấy người phạm tội trọn không rao nói, với pháp của kẻ khác chẳng sanh lòng khinh tiện, không trở ngại pháp được tu hành của người, phạm pháp được diễn thuyết trọn không rời lìa: không - vô tướng - vô nguyên, chẳng phân biệt tất cả pháp giới, bất động pháp giới, bất động thiết tánh.

Chẳng y chỉ nơi ngữ, nơi thức, nơi nhơn, nơi bất liễu nghĩa. Dầu chẳng y chỉ mà cũng chẳng chê bai. Với chúng mình, chúng người, chẳng sanh phân biệt cũng chẳng chê bai thập nhị nhơn duyên.

Chẳng phải ở thế gian mà thanh tịnh nơi thế gian, chẳng phải pháp mà thanh tịnh nơi pháp, không tham, không xan, không hủy giới, chẳng bỏ kẻ phá giới, không sân hận, không giải đãi, chẳng

mất đạo tâm, không quên Bồ-đề, vì muốn trang nghiêm trí huệ vô thượng mà chẳng nghĩ, chẳng thôi, chẳng thối chuyển. Nơi pháp của người không sanh lòng đố kỵ.

Chẳng vì chấp trước nơi chẳng phải mười hai bộ kinh mà phỉ báng kệ kinh v.v... mười hai bộ. Ở nơi chánh pháp trọn chẳng thấy phi pháp.

Chẳng như nơi khinh mạn mà tăng trưởng khinh mạn.

Chẳng bác như quả và nghiệp quả báo. Ở trong chánh pháp tâm không có thối chuyển. Biết ơn nhớ ơn chẳng quên báo đáp. Trọn chẳng ôm ấp lòng sân hận, chẳng chấp ngã kiến, chẳng ganh người được lợi. Ở trong oán thân không có hai ý tưởng. Bị người chê hại trọn chẳng báo trả.

Chẳng làm lương thiệt cho kia đây đầu loạn.

Chẳng có lòng siểm khúc hiển dị để mê hoặc người.

Chẳng vì người khác mừng mà thọ giới Bồ-tát, giới Tỳ-kheo, giới Tỳ-kheo-ni, giới Thức-xoa-ma-na, giới Sa-di, giới Sa-di-ni, giới Ưu-bà-tắc, giới Ưu-bà-di.

Thường ở chỗ rảnh rang tịch tĩnh mà tư duy chánh niệm. Tâm siêng học đọc mười hai bộ kinh.

Chẳng vì hơn người mà thủ hộ các loại giới luật như vậy.

Chẳng vì được cúng dường mà hiện tướng tri túc.

Chẳng vì để hiển bày người khác chẳng tri túc mà tự tu tri túc.

Chẳng nói Bồ-đề Vô thượng của chư Phật là việc làm của người khác.

Chẳng tạo ác nghiệp tà ác sanh sống.

Chẳng bỏ Thất thánh tài. Chẳng tham ăn uống.

Chẳng để dứt mất Thánh chủng.

Chẳng chê bai người, chẳng tự khen người.

Ở trong Phật pháp chẳng có ý nghĩ là có số có lượng. Thường tán thán Đại thừa không có lòng nhàm đủ. Đây gọi là pháp ngữ”.

Đức Thế Tôn lại bảo đồng nữ Bửu Nữ:

“Luận về Bồ-tát nghĩa ấy, thế nào gọi là nghĩa?

Đó là tín tâm lúc tu tập trang nghiêm không có hư cưỡng, vì muốn trang nghiêm tất cả thiện căn mà chí tâm chuyên niệm tu hành các pháp lành, phá lưới nghi của tất cả chúng sanh. Chẳng cầu quả báo, ban cho chúng sanh sự an ổn khoái lạc, hộ trì cấm giới. Chẳng mất tâm nhẫn nhục, siêng tu tinh tiến tăng trưởng pháp lành, tu định tịch tĩnh nhiếp các tán loạn, đủ trí vô thượng phá tối vô minh.

Tu tập từ tâm bình đẳng các chúng sanh, tu tập bi tâm tùy theo chỗ làm của chúng sanh đích thân đến xây dựng, tu tập hỷ tâm ban cho chúng sanh pháp hỷ, tu tập xả tâm chẳng thấy khổ vui. Xả bỏ tài pháp rồi không hề hối tiếc, lời nói dịu dàng phá tâm ác người, làm lợi ích cho người đủ pháp thậm thâm, tu hành đồng sự để khuyên người phát tâm Đại thừa, đây là dùng bốn nhiếp pháp để điều phục chúng sanh.

Thấy tất cả hành pháp đều vô thường, khổ không, vô ngã dứt sạch các phiền não. Y chỉ nơi nghĩa chẳng y chỉ nơi ngữ, y chỉ nơi trí chẳng y chỉ nơi thức, y chỉ kinh liễu nghĩa xa bỏ bất liễu nghĩa, y chỉ nơi pháp chẳng y chỉ nơi người. Nói nghĩa vô ngại không có cùng tận mà ở pháp giới không có phân biệt, nói từ vô ngại chúng được giải thoát, nói lạc thuyết vô ngại đúng như pháp mà nói.

Trang nghiêm bố thí chẳng biết nhàm đủ, trang nghiêm tịnh giới thành tựu nguyện lành, trang nghiêm đa văn đúng như pháp mà làm, trang nghiêm công đức đầy đủ tướng hảo, trang nghiêm trí huệ biết rõ căn tánh thượng trung hạ và các tướng sai biệt của các chúng sanh, trang nghiêm chánh định vì tâm thanh tịnh, trang nghiêm nơi trí được ba thứ huệ.

Tu Tứ niệm xứ vì tâm chẳng tán loạn, tu Tứ chánh cần vì được thiên căn, tu Tứ như ý túc vì qua lại mười phương, tu tập Ngũ căn biện nói phân biệt các tự cú, tu tập Ngũ lực để phá các phiền não, tu Thất giác chi vì biết các pháp, tu tập Bát chánh đạo chẳng bị ác tà lay động, tu tập thần thông vì chẳng thối thất.

Đại Bồ-tát hiểu nghĩa như vậy thì gọi là nghĩa. Nếu đại Bồ-tát hay diễn nói các nghĩa ấy, thì gọi là thuyết nghĩa.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Luận về nghĩa ấy, đó là tu tập không tam muội phá các pháp có, tu tập vô tướng tam muội phá các pháp tướng, tu tập vô nguyên tam muội chẳng cầu tam giới. Nếu có thể diễn nói ba pháp môn rỗng không không có như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tất cả hành chẳng thể tu hành được, Bồ-tát diễn nói pháp chẳng thể tu hành được này thì gọi là thuyết nghĩa.

Dứt tất cả sanh khởi, đây gọi là nghĩa, Bồ-tát diễn nói các pháp vô sanh này thì gọi là thuyết nghĩa.

Các hữu không có xuất, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tứ chơn đế, đây gọi là nghĩa, diễn nói như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Không có ngã không có ngã sở, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tự cú chẳng nói được, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Nghĩa chơn thiệt, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tất cả pháp Bồ-đề chẳng thể đếm kể, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Người đa văn an trụ đúng như pháp, đây gọi là nghĩa, diễn thuyết như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Tất cả các thừa, Đại thừa là hơn hết, đây gọi là nghĩa, diễn nói như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Vô phân biệt, đây gọi là nghĩa.

Không có chúng sanh không có thọ mạng, nhứt vị bất động, bất tận nhứt sự, bất sanh bất xuất, bất lai bất khứ, bất diệt bất nhị,

Chẳng thể xem thấy, không có tạo tác, vô vi vô tác, tâm chẳng siểm khúc, tam thế bình đẳng, ba phần không sai biệt,

Chẳng được chẳng mất, chẳng nóng chẳng lạnh,

Chẳng tịnh chẳng uế, chẳng đi chẳng đứng,

Chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng phải đạo dạy đạo,

Chẳng phải thường chẳng phải đoạn, cũng chẳng phải trung đạo,

Chẳng tham chẳng sân, chẳng nhìn nơi pháp và phi pháp,

Chẳng phải tất cả văn tự âm thanh từ ngữ, không có tâm ý thức, nơi tham sân si chẳng sanh phân biệt,

Tất cả các pháp tác tướng có tướng đều là không, vô tướng và vô nguyện ba môn này tức rỗng không, chơn thiệt nhập pháp giới, đẳng cùng bất đẳng đều bình đẳng, như nơi trí huệ mà được giải thoát.

Nếu Bồ-tát có đủ các nghĩa như vậy thì gọi là nghĩa, diễn nói như vậy thì gọi là thuyết nghĩa.

Lại này Bửu Nữ! Thế nào là Bồ-tát diễn nói tỳ-ni?

Này Bửu Nữ! Đức Phật nói tỳ-ni phạm có hai thứ, đó là phạm tỳ-ni và phiền não tỳ-ni.

Thế nào là phạm và thế nào là tỳ-ni?

Phạm rồi liền biết mà chẳng tư duy tốt, như vì vô minh điên đảo hư vọng khi cưỡng phiền não chấp ngã chấp chúng sanh, tâm có lưới nghi chẳng được giải thoát, điệu cử nghi hối kiêu mạn

phóng dật quả văn, như các phiền não kiết sử như vậy đây gọi là phạm.

Nếu phá được tâm nghi được giải thoát do được giải thoát, rồi thấy chỗ có phạm tức là chẳng phải chỗ cũng chẳng phải chẳng chỗ, chẳng phải thân khẩu ý, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng thể xem thấy, chẳng phải thân làm cũng phải khẩu ý làm.

Nếu là ba nghiệp làm tức là pháp diệt. Nếu đã là pháp diệt thì ai làm ai phạm, như phạm tất cả các pháp cũng như vậy, các pháp vô căn vô trụ vô xứ. Nếu có thể phá hoại lưới nghi như vậy thì gọi là thanh tịnh là chẳng nhiệt não, theo lời dạy của Thầy mà làm thì gọi là có lòng tin gọi là định gọi là tỳ-ni.

Thế nào là phiền não và thế nào là tỳ-ni?

Mười hai hữu chi là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh và lão tử gọi là phiền não, tánh của nó có thể điều phục được các phiền não thì gọi là tỳ-ni.

Tại sao? Vì không - vô tướng - vô nguyện có thể điều phục các pháp, nếu pháp đã là rỗng không, không có tánh tướng chẳng thể nguyện cầu thì làm thế nào mà có được tham sân si v.v...

Vì vô tác hay điều phục tất cả pháp, nếu tất cả pháp đã là vô tác thì làm sao có được các phiền não.

Vì tất cả pháp thì như duyên sanh, nếu đã từ như duyên sanh thì làm sao thấy được, thấy mười hai hữu chi như vậy thì cũng biết phiền não và tướng phiền não. Nếu là không trí hay quán Bồ-đề thì dùng không này mà không nơi phiền não. Nếu hay quán sát bình đẳng như vậy thì gọi là tỳ-ni.

Nếu hay diễn thuyết các nghĩa như vậy thì gọi là Bồ-tát hay thuyết tỳ-ni.

Nếu tỳ-ni này hay biết được ngã thì tức là biết rõ phiền não tỳ-ni.

Thế nào là biết ngã tỳ-ni?

Đó là quán vô ngã, quán ngã tánh, biết rõ ngã, sạch hết ngã, thiệt biết ngã, phân biệt ngã không, ngã tu, biết ngã bất động, bất thuyết, bất trước, bất sanh, bất diệt.

Nếu có thể biết được ngã như vậy thì tức là biết rõ phiền não tỳ-ni.

Nếu thiệt không có ngã mà có ý tưởng là ngã, thì nơi không có phiền não cũng có ý tưởng phiền não. Nếu ngã bỏn lai không có thì phiền não cũng vậy.

Nếu có quán trí thì có thể quán sát biết rõ như vậy, đây gọi là biết rõ ngã phiền não tỳ-ni.

Về phiền não ấy, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, nếu có thể chẳng làm chẳng nhớ chẳng cầu thì gọi là biết rõ phiền não tỳ-ni.

Tỳ-ni ấy cũng chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, như tâm chẳng phải sắc chẳng phải nội ngoại trung gian, phiền não cũng vậy, chẳng phải sắc, chẳng phải nội ngoại trung gian. Tại sao? Vì không có giác tri vậy, vì không có tranh cạnh vậy, vì không có thanh tịnh vậy, vì không có tạo tác vậy.

Nếu có thể biết rõ các phiền não chẳng sanh chẳng diệt như vậy thì gọi là biết rõ phiền não tỳ-ni.

Nếu Bồ-tát được những biết rõ phiền não tỳ-ni như vậy và cũng vì các chúng sanh mà diễn nói thì gọi là diễn thuyết tỳ-ni”.

Lúc đức Phật nói pháp trên, trong pháp hội có mười ngàn Bồ-tát được Vô sanh nhẫn.

Bấy giờ Bửu Nữ lòng rất vui mừng bạch rằng:

“Bạch đức Thế Tôn! Đức Như Lai nói pháp nghĩa chơn thiệt và tỳ-ni chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Bồ-tát có thể diễn thuyết như vậy thì tức là có thể thiệt biết thiệt thấy”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi đồng nữ Bửu Nữ:

“Nay đồng nữ đã có đủ các pháp như vậy mà có thể diễn thuyết chẳng?”

Bửu Nữ nói:

“Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Thiệt ấy gọi là vô tham, vô tham tức là nghĩa, nghĩa như vậy tức là bất khả thuyết, bất khả thuyết ấy tức là tỳ-ni.

Thưa Đại Đức! Nếu đã như vậy thì thế nào có thể nói được!

Lại nữa, thưa Đại Đức Xá Lợi Phất! Thiệt ấy tức là diệt, diệt ấy tức là pháp, pháp ấy tức là tịnh, tịnh ấy tức là nghĩa, nghĩa ấy tức là tỳ-ni. Các pháp như vậy không có văn tự, nếu đã không có văn tự thì thế nào nói được.

Thưa Đại Đức! Thiệt ấy tức là như, như ấy tức là pháp, pháp tức là vô nhị, vô nhị tức là nghĩa, luận về vô nhị cũng chẳng thể điều, nếu chẳng thể điều sao gọi là điều, các pháp như vậy đều vô sở hữu, nếu là vô sở hữu thì thế nào nói được”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi:

“Nay đồng nữ thành tựu Bửu nào mà do đó đặt tên là Bửu Nữ?”

Đồng nữ Bửu Nữ đáp:

“Thưa Đại Đức! Có ba mươi hai Bồ-tát bửu tâm, trong tâm như

vậy đều không có tâm Thanh Văn, không có tâm Duyên Giác.

Những gì là ba mươi hai Bồ-tát bửu tâm?

Một là phát tâm vì độ tất cả chúng sanh.

Hai là phát tâm vì khiến Phật chủng chẳng dứt.

Ba là phát tâm vì thọ trì Phật pháp chẳng diệt tận.

Bốn là phát tâm vì thủ hộ Tăng.

Năm là phát tâm vì ban cho các chúng sanh vui Thánh pháp.

Sáu là phát tâm vì các chúng sanh mà tu tập đại từ làm cho chúng sanh rời lìa các khổ phiền não.

Bảy là phát tâm tu tập đại bi xả bỏ vật trong vật ngoài.

Tám là phát tâm hộ trì cấm giới vì điều kẻ phá giới.

Chín là phát tâm tu tập nhẫn nhục vì phá hoại chẳng nhẫn, kiêu mạn, ác tâm, điên tâm, túy tâm, cuồng tâm, phóng dật, tự tứ tâm.

Mười là phát tâm tinh tiến vì phá những giải đãi, tâm e sợ ngần ngại và để điều phục các chúng sanh giải đãi.

Mười một là phát tâm tu tập chánh định vì phá loạn tâm cuồng tâm vọng niệm khiến cho chúng sanh được tứ thiền bát giải thoát điều phục các chúng sanh cõi Dục.

Mười hai là phát tâm tu trí vì phá tất cả si tối thành tựu chơn thiệt tri kiến nhập vào pháp giới.

Mười ba là phát tâm vì biết tất cả chúng sanh bình đẳng vô nhị đều đồng nhưt vị.

Mười bốn là phát tâm vì được vô tham vô sân các cảnh lợi suy hủ dự tâm không dao động an trụ pháp lành khổ vui chẳng động, vì được những sự như vậy để hộ trì chúng sanh.

Mười lăm là phát tâm vì được không bố úy muốn liễu thậm thâm thập nhị nhơn duyên xa lìa tất cả kiến chấp.

Mười sáu là phát tâm vì muốn trang nghiêm trí huệ và các công đức không có nhàm đủ.

Mười bảy là phát tâm vì muốn chẳng rời thấy Phật để thường được nghe pháp.

Mười tám là phát tâm vì muốn đúng như chỗ được nghe mà thuyết pháp.

Mười chín là phát tâm vì được khối pháp rộng lớn tâm không tham lẫn.

Hai mươi là phát tâm vì muốn tán thán tịnh giới như chỗ nghe mà an trụ để giáo hóa khuyên nhắc người phá hủy tịnh giới.

Hai mươi một là phát tâm vì phá bảy thứ kiêu mạn của chúng sanh.

Hai mươi hai là phát tâm vì biết căn thượng trung hạ của các chúng sanh.

Hai mươi ba là phát tâm vì phá các ma ác nghiệp.

Hai mươi bốn là phát tâm vì ban cho chúng sanh sự an lạc.

Hai mươi lăm là phát tâm vì phá bao nhiêu sự khổ của các chúng sanh lòng chẳng sanh hối tiếc.

Hai mươi sáu là phát tâm vì muốn thành tựu tất cả Phật pháp.

Hai mươi bảy là phát tâm vì biết các pháp hữu vi, tất cả vô thường - khổ - vô ngã, biết rồi không rời lòng chẳng nhàm hối.

Hai mươi tám là phát tâm vì thích tu tập tất cả pháp trợ Bồ-đề.

Hai mươi chín là phát tâm vì thấy không - vô tướng - vô nguyện, vì chúng sanh mà không thủ chúng.

Ba mươi là phát tâm dầu sợ các hữu mà cũng thủ hộ các hữu.

Ba mươi mốt là phát tâm vì dầu thấy tội lỗi sanh tử mà chẳng nhàm hối.

Ba mươi hai là phát tâm vì mặc dầu gần Bồ-đề, thọ vô thượng lạc mà vì chúng sanh bỏ diệu lạc ấy để thọ khổ bản cùng.

Thưa Đại Đức! Ba mươi hai bửu phát tâm ấy đều không có tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, vì vậy mà Bồ-tát có tên là Bửu Tự”.

Đức Thế Tôn tán thán Bửu Nữ:

“Thiện tai, thiện tai! Nay người chơn thiệt nói đại Bồ-tát phát Bồ-đề tâm, mà Bồ-đề tâm có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói bằng ba mươi hai sự.

Tại sao? Vì chẳng phải Thanh Văn bửu có thể được Phật bửu, chẳng phải Duyên Giác bửu, có thể được Pháp bửu, do Bồ-tát bửu có thể được Phật bửu, được Phật bửu rồi thì được Thanh Văn bửu, được Bích Chi Phật bửu. Vì vậy mà Bồ-tát có tên là Bửu Tự”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng:

“Bạch đức Thế Tôn! Chỗ nói của Bửu Nữ chẳng thể nghĩ bàn. Tôi xem xét lời nói ấy thì đồng nữ này tựa như được Tứ vô ngại trí”.

Đức Phật phán dạy:

“Này Xá Lợi Phất! Nay ông mới cho là đồng nữ ấy chưa được Tứ vô ngại trí sao. Từ lâu đồng nữ ấy đã được đầy đủ bốn trí vô ngại.

Này Xá Lợi Phất! Chỗ thuyết pháp của Bửu Nữ, tựa chẳng thể tận, văn cú nghĩa vị đều chẳng thể tận”.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói với Bửu Nữ:

“Này nhơn giả! Nay xin nói rộng về tứ vô ngại trí”.

Bửu Nữ nói:

“Thưa Đại Đức! Tứ vô ngại trí ở nơi tất cả pháp đều thành trí cả.

Thưa Đại Đức! Bồ-đề tâm gọi là vô ngại cú.

Tại sao? Vì Bồ-đề tâm nhiếp tất cả nghĩa, đây gọi là nghĩa vô ngại trí.

Tất cả các pháp giới nhập vào Bồ-đề tâm, đây gọi là pháp vô ngại trí.

Thiệt không có văn tự mà diễn thuyết văn tự, đây gọi là từ vô ngại trí.

Pháp chẳng thể nói mà diễn nói không đoạn tuyệt, đây gọi là lạc thuyết vô ngại trí.

Nghĩa chẳng thể nói đây gọi là nghĩa vô ngại.

Tất cả các pháp đều là tướng như huyễn ảo gọi là pháp vô ngại.

Nghiệp hành vô ngôn thuyết gọi là từ vô ngại.

Với lục nhập không có chướng ngại là lạc thuyết vô ngại.

Liễu đạt nơi nghĩa gọi là nghĩa vô ngại.

Thích nơi tịch tĩnh gọi là pháp vô ngại.

Tự chẳng hiệp với pháp và pháp chẳng hiệp với nghĩa là từ vô ngại.

Thuyết tức là thanh gọi là lạc thuyết vô ngại.

Như Lai Chánh Giác tức là nghĩa Bồ-đề gọi là nghĩa vô ngại.

Nghĩa Bồ-đề ấy hay sanh các pháp là pháp vô ngại.

Pháp có thể làm câu là từ vô ngại.

Thuyết rồi được nghĩa gọi là lạc thuyết vô ngại.

Pháp nghĩa ấy gọi là nghĩa vô ngại.

Giải thoát ấy gọi là pháp vô ngại.

Diễn thuyết pháp tướng chẳng phải có pháp tánh gọi là từ vô ngại.

Phân biệt pháp giới và chẳng phải pháp giới gọi là lạc thuyết vô ngại.

Tăng tức là vô vi gọi là nghĩa vô ngại.

Chư Tăng nhưt vị gọi là pháp vô ngại.

Vì hòa hiệp Tăng gọi là từ vô ngại.

Thuyết công đức của chư Tăng gọi là lạc thuyết vô ngại.

Thưa Đại Đức! Bốn vô ngại ấy khắp cả tất cả pháp”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch đức Phật:

“Bạch đức Thế Tôn!

Đồng nữ này từ khi phát tâm đến nay được bao lâu rồi? Ở bên đức Phật nào mà gieo trồng thiện căn?”

Đức Phật phán dạy:

“Này Xá Lợi Phất! Về thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp có Phật xuất thế hiệu là Phân Biệt Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, thế giới ấy tên là Đại Tịnh như cung Trời Đâu Suất Đà, cùng với chúng Bồ-tát Tăng bảy vạn sáu ngàn tất cả đều thanh tịnh phạm hạnh được môn đà la ni bất thối chuyển.

Lúc ấy có Chuyển Luân Thánh Vương tên là Tịnh Đức Báo cai trị tự tại một ngàn thế giới, hậu cung có tám vạn bốn ngàn thế nữ, có đủ một ngàn vương tử, sức lực đồng với lực sĩ Liên Hoa. Lúc ấy trong ba vạn sáu ngàn năm, Thánh Vương cúng dường Phật và Bồ-tát Tăng các thứ phòng xá, ngọc cụ, y phục, uống ăn, thuốc men”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng:

“Bạch đức Thế Tôn! Chẳng rõ đức Phật Phân Biệt Kiến ấy thọ mạng bao nhiêu tuổi?”

Đức Phật phán dạy:

“Này Xá Lợi Phất! Đức Phật Phân Biệt Kiến ấy thọ đủ mười trung kiếp.

Lúc ấy Chuyển Luân Thánh Vương cùng với hậu cung quyến thuộc thể nữ và nhân dân chín vạn hai ngàn ức na-do-tha người, mang theo vô lượng vô biên các thứ cúng dường đến chỗ đức Phật Phân Biệt Kiến, đem tám ngàn ức trân bửu thượng diệu rải lên đức Phật, đầu mặt lạy chân đức Phật, rồi quỳ dài chấp tay cung kính bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Nay chỗ chúng tôi sắp đặt các thứ cúng dường như vậy, chẳng biết còn có sự cúng dường nào hơn đây chăng?

Đức Phật Phân Biệt Kiến nói:

Này Đại Vương Tịnh Đức Báo! Còn có sự cúng dường khác công đức hơn sự cúng dường này trăm ngàn vạn lần.

Thánh Vương bạch đức Phật Phân Biệt Kiến:

Bạch đức Thế Tôn! Đó là sự cúng dường gì, xin đức Thế Tôn nói cho, chúng tôi rất muốn được nghe.

Đức Phân Biệt Kiến Như Lai nói kệ rằng:

Như hằng hà sa số thế giới

Trong ấy đầy báu đem cúng thí

Dầu được vô lượng phước như vậy

Chẳng bằng vì thương mà phát tâm
Chư Phật số như hằng hà sa
Dâng diệu hoa hương để cúng dường
Phước đức này so còn chẳng bằng
Phát tâm Bồ-đề bẩy bất thời
Phát Bồ-đề tâm tức cúng dường
Giới nhẫn tinh tiến thiên trí huệ
Nếu vì lòng thương mà phát tâm
Phước ấy vô lượng chẳng cùng tận
Sắc đẹp lực tài dòng họ lớn
Người này mới phát được Bồ-đề
Chúa ngàn thế giới đến Phạm Thiên
Được đại tự tại mới phát được

Nếu thích mừng phát Bồ-đề tâm
Như vậy mới dứt được ác đạo
Hay vì nhơn thiên mở chánh đạo
Hay bít ác đạo và bát nạn
Các căn đầy đủ chẳng mù điếc
Đều do chí tâm phát Bồ-đề
Hay thấy mười phương các Thế Tôn
Hay phát trên trời vị cam lộ
Nếu chí tâm phát đại Bồ-đề
Người này phá được nghi kiêu mạn
Vô lượng trí huệ được tự tại
Hay vì chúng sanh thuyết pháp giới
Chúng sanh thấy đó như cha mẹ

Tưởng như thầy bạn và lương y
 Hay trị lành bệnh các phiền não
 Dạy bảo khiến đến Bồ-đề đạo.

Thánh Vương Tịnh Đức Báo nghe đức Phật Phân Biệt Kiến nói phát Bồ-đề tâm được công đức như vậy, lòng Vương rất vui mừng hơn hở vô lượng, cùng các quyến thuộc thể nữ và nhân dân đều phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, liền ở trước đức Phật mà nói kệ rằng:

Nay tôi thương xót các chúng sanh
 Nên phát Bồ-đề tâm như vậy
 Nếu muốn có được đại tự tại
 Chẳng nên thôi chuyên Bồ-đề tâm
 Sanh tử vô lượng sanh khổ não

Mà không lợi ích cho tự tha
Thà phát tâm này mà chịu khổ
Chẳng vì an vui mà chẳng phát
Nếu có ai phát tâm Bồ-đề
Liên được phước trời người Thánh vương
Cũng được vui tịch tĩnh vô lậu
Và được vui Vô thượng Bồ-đề
Huê nhãn tam muội tối vô thượng
Đủ tứ vô lượng và lục độ
Ba thứ tịnh huê sáu thần thông
Bốn vô ngại trí đại tự tại
Vô thượng thập lực bốn vô úy
Và tam niêm xứ đại từ bi

Thành tựu thập bát bất cộng pháp
 Tất cả đều do phát Bồ-đề
 Hay chấn động mười phương thế giới
 Cũng biết tâm chúng sanh mười phương
 Hay độ vô lượng các chúng sanh
 Đều do phát tâm Bồ-đề này.

Lúc nói kệ trên đây, có bốn vạn trời người và vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Thánh Vương Tịnh Đức Báo còn trong vạn ức năm cúng dường đức Phật Phân Biệt Kiến. Sau thời gian cúng dường đức Phật ấy rồi, Thánh Vương nhàm thế tục mà xuất gia. Đã xuất gia rồi tư duy bốn câu đó là thiệt cú, pháp cú, nghĩa cú và điều cú. Trong một ức năm thường tư duy nghĩa của bốn câu ấy.

Này Xá Lợi Phất! Ông có biết Thánh Vương Tịnh Đức Báo thuở ấy là ai chẳng, chính là thân đồng nữ Bửu Nữ này vậy”.

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch đức Phật:

“Bạch đức Thế Tôn! Do nghiệp duyên gì mà thọ thân đồng nữ này?”

Đức Phật phán dạy:

“Này Xá Lợi Phất! Tất cả chư Bồ-tát chẳng do nơi nữ nghiệp mà thọ thân nữ, chỉ là dùng sức thần thông mà thị hiện thân người nữ thôi, đó là vì điều phục các chúng sanh vậy.

Này Xá Lợi Phất! Nay ông cho rằng Bồ-tát Bửu Nữ thiệt là thân nữ ư? Chớ có quan niệm như vậy.

Tại sao? Vì thọ thân nữ ấy là do sức trí huệ và sức thần thông.

Này Xá Lợi Phất! Bửu Nữ ấy từ lâu trong vô lượng kiếp đã là thân nam thân nữ. Thân ấy chẳng phải quá khứ cũng chẳng phải vị lai hiện tại. Thân ấy tức là phương tiện thân. Thân phương tiện ấy giáo hóa chín vạn hai ngàn người nữ ở thế giới này phát tâm Vô thượng Bồ-đề, vì vậy mà thị hiện thân phương tiện ấy”.

Bửu Nữ nói với Tôn giả Xá Lợi Phất:

“Nay Đại Đức có thể dùng thân nữ như để thuyết chánh pháp chăng?”

Tôn giả Xá Lợi Phất nói:

“Tôi ở nơi nam thân còn sanh lòng nhàm lìa hối hận hướng là thân nữ”.

Bửu Nữ nói: “Đại Đức Xá Lợi Phất!

Nay Đại Đức ở nơi nam thân sanh lòng nhàm hối ư?”

Tôn giả Xá Lợi Phất nói:

“Đúng như vậy đúng như vậy!”.

Bửu Nữ nói:

“Thưa Đại Đức Xá Lợi Phất! Vì có ấy nên chư Bồ-tát hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Tại sao? Vì chỗ mà hàng Thanh Văn các Ngài nhàm hối ấy chính là chỗ ưa thích của chư Bồ-tát chẳng có nhàm hối.

Hàng Thanh Văn chẳng cầu các cõi mà nơi ấy chư Bồ-tát thọ lạc.

Hàng Thanh Văn ở nơi các công đức sanh lòng tri túc còn người Bồ-tát thì không có nhàm đủ.

Hàng Thanh Văn nhàm lìa phiền não còn người Bồ-tát thì ở trong phiền não mà không e sợ”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Bửu Nữ:

“Do sức lực gì mà hàng Bồ-tát lòng không nhàm lìa e sợ?”.

Bửu Nữ đáp:

“Thưa Đại Đức! Đại Bồ-tát có tám sức lực, do đây nên ở trong đó không có nhàm lìa e sợ.

Một là từ lực, vì tâm vô ngại vậy.

Hai là bi lực, vì điều phục vậy.

Ba là thiết lực, vì chẳng dối chư Phật chính mình và các chúng sanh vậy.

Bốn là huệ lực, vì lìa phiền não vậy.

Năm là phương tiện lực, vì tâm chẳng hối vậy.

Sáu là công đức lực, vì vô sở úy vậy.

Bảy là trí lực, vì phá vô minh vậy.

Tám là tinh tiến lực, vì phá phóng dật vậy.

Thưa Đại Đức! Đại Bồ-tát có đủ tám lực này nên tâm Bồ-tát chẳng nhàm sợ”.

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi:

“Này đồng nữ! Nay nhơn giả có đủ tám lực này chăng?”.

Bửu Nữ đáp:

“Thưa Đại Đức! Nói là có đủ ấy tức là điên đảo. Điên đảo ấy tức là hai tướng. Hai tướng ấy tức là hữu vi. Hữu vi ấy tức là vô sở hữu. Vô sở hữu ấy tức là bình đẳng.

Thưa Đại Đức! Nếu là bình đẳng thì thế nào là hữu lực vô lực, thế nào có thể nói số nhứt nhị.

Thưa Đại Đức! Tất cả pháp đều như hư không. Hư không ấy chẳng thể nói là nội, là ngoại, là trung gian, chẳng thể nói là sáng,

là tối. Như hư không tất cả pháp cũng đều như vậy. Nếu tất cả pháp đồng như hư không, thì thế nào có thể nói là có lực vô lực, là số nhứt nhị.

Thưa Đại Đức! Đại Bồ-tát cũng có lực cũng không lực. Thế nào là có lực và thế nào là không có lực?

Thưa Đại Đức! Đại Bồ-tát không phiền não lực mà có trí huệ lực, không xan lẫn lực mà có huệ thí lực, không phá giới lực mà có trì giới lực, không sân hận lực mà có nhẫn nhục lực, không giải đãi lực mà có tinh tiến lực, không loạn ý lực mà có thiền định lực, không vô minh lực mà có trí huệ lực. Vì vậy mà Bồ-tát lìa ác pháp tu tập thiện pháp, do đây Bồ-tát không ác pháp lực mà có thiện pháp lực”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay, lành thay! Nếu có thiện nam thiện nữ nói được như vậy tức là thiết thuyết”.

Lúc đồng nữ Bửu Nữ nói pháp ấy, trong pháp hội có năm trăm Bồ-tát thành tựu vô sanh nhẫn.

Bửu Nữ lại bạch đức Phật:

“Bạch đức Thế Tôn! Như trong kệ kinh nói, đức Như Lai có thập thần lực, là tức thập lực là Thế Tôn hay ly thập lực mà có Thế Tôn?

Nếu tức thập lực là Thế Tôn, thì có số lượng là nhị pháp, nếu là nhị pháp tức là vô thường. Còn nếu ly thập lực mà có Thế Tôn thì sao đức Phật nói tất cả các pháp bình đẳng.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong một lực mà có đủ thập lực thì sao đức Phật chẳng nói bá lực. Nếu chẳng nói bá thì nên biết rằng một lực chẳng phải thập chẳng phải bá”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay, lành thay! Như Lai Thế Tôn chẳng phải nhưt chẳng phải nhị. Nếu chẳng phải nhưt nhị thì sao lại nói thập nói bá.

Đại Bồ-tát xa lìa nhưt nhị chúng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như Lai Thế Tôn chẳng phải tức thập lực chẳng phải ly thập lực, có thể nói được mười sự ấy nên gọi đức Như Lai có đủ thập lực. Như Lai nói thập lực ấy, mà trong một lực có đủ vô lượng lực. Vì lưu bố thể gian mà nói thập lực”.

Bửu Nữ bạch rằng:

“Lành thay đức Thế Tôn! Xin nói rộng thập lực ấy”.

Đức Phật phán dạy:

“Này Bửu Nữ! Nên chí tâm lắng nghe kỹ, Phật sẽ phân biệt giải thuyết.

Này Bửu Nữ! Lúc Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề mà còn cầu Thanh Văn thừa còn tạo ác nghiệp thì không bao giờ có. Do tâm vững chắc ấy lúc được Bồ-đề thành tựu lực ban đầu.

Thành tựu lực ấy rồi đức Như Lai ở trong đại chúng làm sư tử hống chuyển chánh pháp luân mà tất cả trời, người, ma, phạm, sa-môn, bà-la-môn đều chẳng thể chuyển được.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề biết rõ các nghiệp tức là một nghiệp, do sức này nên biết rõ tất cả các nghiệp

quá khứ, vị lai và hiện tại, nghiệp nhơn duyên xứ cùng nghiệp nhơn duyên phi xứ. Đây là lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu nghiệp thứ hai.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát biết rõ căn của các chúng sanh rồi vì họ mà thuyết pháp, do đó là được Bồ-đề thành tựu lực thứ ba.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát quán rõ chúng sanh giới rồi vì chúng sanh mà thuyết pháp, do đó lúc được Bồ-đề thành tựu lực thứ tư.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát quán chúng sanh căn thượng trung hạ, quán rồi liền hiểu mà vì họ thuyết pháp. Do hiểu biết ấy mà lúc được Bồ-đề thành tựu lực thứ năm.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát quán chí xứ đạo, những là hữu vi đạo, vô vi đạo, Thanh Văn đạo, Duyên Giác đạo, Bồ-tát đạo. Do quán đạo chí xứ nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu lực thứ sáu.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát cung kính tôn trọng tu tập các thiền định vì điều phục chúng sanh mà thuyết pháp yếu. Do tu tập thiền định như vậy nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu lực thứ bảy.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát đối với các thiện căn quá khứ vị lai và hiện tại chẳng hề phỉ báng nên thành tựu niệm tâm chẳng phóng dật, vì chẳng phóng dật, nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu lực thứ tám.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề thấy người chưa học chẳng sanh lòng khinh khi, còn với chỗ mình đã học chẳng có lòng kiêu mạn, có thể ban cho chúng sanh trí huệ quang minh. Do ban cho quang minh, nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu lực thứ chín.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát dạy chúng sanh xa lìa các pháp hữu lậu chẳng cho nó tăng trưởng, dạy chúng sanh tán thán giải thoát tu tập đạo vô lậu, và Bồ-tát cũng vì chúng sanh mà nói đạo vô lậu. Do tu tập đạo vô lậu như vậy nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu lực thứ mười.

Này Bửu Nữ! Bồ-tát tu tập mười lực như vậy do đó có thể, lúc thành Bồ-đề đủ có Như Lai thập lực vậy”.

Bửu Nữ lại bạch rằng:

“Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu hành những pháp gì mà được tứ vô sở úy và mười tám pháp bất cộng?”

Đức Phật phán dạy:

“Này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát ở nơi diệu pháp đã được chẳng hề tham lẫn, chẳng nghĩ rằng nếu ta dạy người có thể người sẽ hơn ta.

Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh tâm thường bình đẳng,

Bồ-tát có thể xả bỏ cửa trong của ngoài mà thí cho tất cả.

Bồ-tát quán sát pháp giới không có các loại tướng dạng. Do nhơn duyên ấy nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu vô sở úy thứ nhất.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, với tất cả pháp chương ngại đạo Bồ-tát đều biết rõ, vì đã biết rõ nên chẳng làm

chẳng theo những pháp chương đạo ấy, và cũng chẳng ca ngợi cùng đem dạy người. Bồ-tát biết rõ là pháp chương đạo rồi liền xa lìa nó. Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu vô sở úy thứ hai.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát thường tu đạo thanh tịnh thường nói pháp thanh tịnh, tu trị trang nghiêm vì được pháp thanh tịnh vậy. Trang nghiêm như vậy cũng tự tu trị mà cũng đem dạy bảo chúng sanh. Do nhơn duyên ấy nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu vô sở úy thứ ba.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát trọn chẳng có lòng kiêu mạn, trọn chẳng nói là ta biết ta thấy, che giấu các công đức mà hiển bày các tội lỗi. Do nhơn duyên này nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu vô sở úy thứ tư.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, đối với chúng sanh thất đạo Bồ-tát chỉ dạy họ chánh đạo.

Bồ-tát trừ bỏ những gai độc những ngói đá trên các đường sá. Đường nước hiểm tuyệt, Bồ-tát làm cầu đò ban thí. Chỗ tối tăm, Bồ-tát sắp đặt đèn sáng.

Thấy người phạm tội Bồ-tát có thể khiến họ điều phục, có thể trừ các nghi hối của chúng sanh.

Với người chẳng phải tội phạm, chẳng cưỡng ép phải nói phạm tội.

Bồ-tát trừ lòng nghi chánh pháp của chúng sanh, ban cho họ ánh sáng chánh pháp, khuyến thỉnh thuyết pháp.

Thấy người thuyết pháp, Bồ-tát liền khen thiện tai và cung kính tôn trọng không có lòng khinh khi mà còn muốn được hiểu biết.

Với tất cả chúng sanh mà lời nói thanh âm chẳng tốt, Bồ-tát không có lòng khi dễ.

Do nhơn duyên như vậy, nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề thành tựu pháp bất cộng thứ nhất.

Còn nữa, này Bửu Nữ! Lúc tu hành đạo Bồ-đề, Bồ-tát thường thiệt ngữ, pháp ngữ, nghĩa ngữ, thời ngữ, điều phục ngữ, thường nói lời chẳng sai, lời xa lìa các ác, lời thánh nhơn.

Nếu được nghe chánh pháp rồi Bồ-tát chuyển nói lại người khác vì để lợi mình mà cũng lợi cho người.

Lúc nói chẳng hề khinh khi chẳng sanh sự cãi cọ.

Tự mình tin Phật Pháp Tăng, cũng khiến chúng sanh tin Phật Pháp Tăng.

Bồ-tát quán các pháp giới chẳng thể tuyên nói.

**Do nhơn duyên như vậy nên lúc Bồ-tát được Bồ-đề, biết rõ tất cả
ngũ ngôn, được vô lượng môn tổng trì phương tiện.**

**Vì vậy mà nơi thân có đủ tất cả tướng hảo, tất cả lỗ lông trên thân
đều phát xuất âm thanh vi diệu Như Lai. Đây gọi là pháp bất cộng
thứ hai.**

**Nam-mô Đại Bảo Tích Hội Thượng Phật, Bồ-tát
Ma-ha-tát. (3 lần)**

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI CHÂN NGÔN

Na mô rát na tờ ra gia gia, Na mắc a ry gia,
 A mi ta pha gia, Ta tha ga ta gia, A rờ ha tê,
 Sam giác sam bút đa gia, Ta đi gia tha:
 Om, A mờ rật tê, A mờ rật tô đờ pha vê,
 A mờ rật ta sam pha vê, A mờ rật ta ga ri phê,
 A mờ rật ta sít đê, A mờ rật ta tê rê,
 A mờ rật ta vi hờ rim tê,
 A mờ rật ta vi hờ rim ta, Ga mi nê,
 A mờ rật ta ga ga na, Ki ti ka rê,
 A mờ rật ta đun đa phi sờ va rê,
 Sạc va rờ tha sa đa nê, Sạc va kác ma,
 Ka lê sa, ka sa, Giam ka lê sờ-va-ha. (3 lần)

MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-tự-tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ-uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý-thức-giới, vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí, diệc vô đắc, dĩ vô sở-đắc cố.

Bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chân thiệt bất hư. Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la-tăng yết-đế, Bồ-đề tát bà-ha.

(3 lần)

BẠT NHẤT THIẾT NGHIỆP CHUÔNG
ĐẮC SANH TỊNH ĐỘ ĐÀ RA NI

Nam-mô A di đà bà dạ

Đa tha dà đa dạ, đa địa dạ tha:

A di rị đô bà tỳ

A di rị đa tất đām bà tỳ

A di rị đa tì ca lan đế

A di rị đa tì ca lan đa

Dà di nị dà dà na

Chỉ đa ca lệ ta bà-ha. (3 lần)

HỒI HƯƠNG

Phúng kinh công đức thù thắng hạnh
 Vô biên thắng phước giai hồi hương
 Phổ nguyện pháp giới chư chúng-sanh
 Tốc vãng vô lượng quang Phật-sát.

Nguyện tiêu tam chương trừ phiền-não
 Nguyện đắc trí tuệ chơn minh liễu
 Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ
 Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ-tát vi bạn lữ.

Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dữ chúng sanh
Giai cộng thành Phật đạo.

PHỤC NGUYỆN

Thượng lai đệ tử chúng đấng, cung đôi Phật tiên, thành tâm phúng tụng đại thừa kinh Đại Bảo Tích, cập niệm Phật công đức chuyên vì hồi hướng kỳ nguyện cho đệ tử chúng con tiêu tai tiêu nạn, tật bệnh tiêu trừ, tội chướng, báo chướng, phiền não chướng, nghiệp chướng tất giai tiêu diệt, thân tâm thanh-tịnh, tinh tấn tu hành, hiện tiền phước huệ trang nghiêm, một hậu đấng A Di Đà thọ ký.

Phổ nguyện: âm siêu dương thối, pháp giới chúng-sanh, tình dữ vô tình, tề thành Phật đạo.

Nam mô A Di Đà Phật

TAM TỰ QUY

**Tự Quy-y Phật, Đương nguyện chúng sanh,
Thế giải đại đạo, Phát Vô-thượng tâm.**

**Tự Quy-y Pháp, Đương nguyện chúng sanh,
Thâm nhập kinh tạng, Trí huệ như hải.**

**Tự Quy-y Tăng, Đương nguyện chúng sanh,
Thống lý đại chúng, Nhất thiết vô ngại.**

**Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.**

HÒA NAM THÁNH CHÚNG.